

13 Tháng Bảy 2021

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn



Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,297.54	0.10	-4.01	49.36
HNX	296.70	1.27	-6.31	156.55
UPCOM	85.36	1.75	-4.01	49.02
MSCI EM	1,326.83	0.66	-3.99	23.85
NIKKEI	28,718.24	0.52	-0.80	26.04
HANG	27,963.41	1.63	-3.05	8.50
KOSPI	3,271.38	0.77	0.68	49.65
FTSE	7,143.77	0.26	0.14	15.67
S&P 500	4,384.63	0.35	3.23	38.96
NASDAQ	14,733.24	0.21	4.72	41.79

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	17.88	2.63	14.92
SET	29.40	1.68	5.97
JCI INDEX	#N/A N/A	2.03	-7.32
PCOMP	29.05	1.67	5.95

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	1.07	0	-2	-84
10 năm	2.17	-1	-1	-71

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,013	-0.02	-0.07	0.69
US\$/KRW	1,145	0.14	-2.49	4.83
US\$/JPY	110	0.04	-0.24	-2.76
US\$/EUR	0.84	0.14	2.34	-4.22
US\$/GBP	0.72	0.21	1.82	-9.40
US\$/SGD	1.35	-0.02	-1.92	2.82

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,254	940	533
HNX	172	140	74
UPCOM	63	62	33



Nhận định thị trường

Thanh khoản suy giảm

Sau phiên giảm mạnh hôm qua, lực bán trong phiên hôm nay đã phần nào giảm bớt. VN-Index mở cửa khá tích cực trong tăng điểm nhưng sau đó nhanh chóng quay đầu giảm khi bên bán mạnh hơn và lực cầu tỏ ra yếu thế. Phần lớn thời gian giao dịch trong ngày, VN-Index chủ yếu giảm điểm nhưng đã phục hồi sát mốc tham chiếu lúc đóng cửa, tuy nhiên thanh khoản suy giảm nhiều so với phiên trước. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.297,5 điểm, tăng 1 điểm, tương ứng 0,1% so với phiên giao dịch ngày hôm trước, thanh khoản 3 sàn lần lượt là HOSE: 15.915 tỷ đồng, HNX: 2.640 tỷ đồng, UPCOM: 870 tỷ đồng.

Diễn biến đáng chú ý là sự phục hồi của nhóm Chứng khoán, Dầu khí, Phân bón. Nhóm Ngân hàng cũng đa số phục hồi tốt, ngoại trừ VCB, VIB và TPB giảm điểm. Trong khi đó nhóm Hàng tiêu dùng, Bán lẻ có phiên điều chỉnh sau chuỗi ngày ngược dòng thị trường.

Khối ngoại sau nhiều phiên mua ròng mạnh, hôm nay quay đầu bán ròng nhẹ với giá trị 215 tỷ đồng, tập trung vào VNM, VIC và VCB.

Phiên giao dịch đi ngang khiến các chỉ số kỹ thuật của VN-Index vẫn giữ ở mức thấp. Điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức -6, thể hiện trạng thái TIÊU CỰC trong ngắn hạn

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	0	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	0	TRUNG TÍNH
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

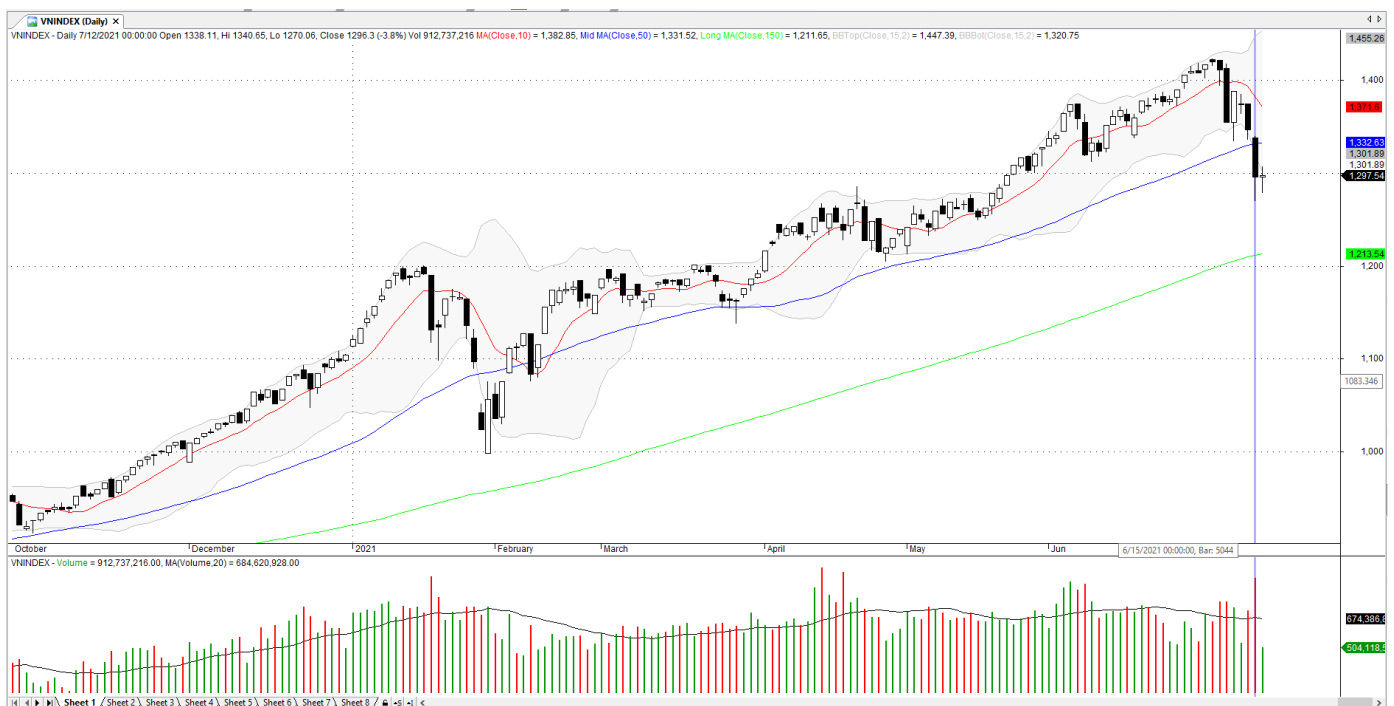
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	-6	TIÊU CỰC
VN30	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M	-6	TIÊU CỰC
VN DIAMOND	-4	TIÊU CỰC
VN FIN SELECT	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (13/07/2021)	1,297	Kháng cự 1 1350
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.400
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.270
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.220

VN-INDEX phục hồi trong phiên và đi ngang cuối ngày với thanh khoản suy giảm.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

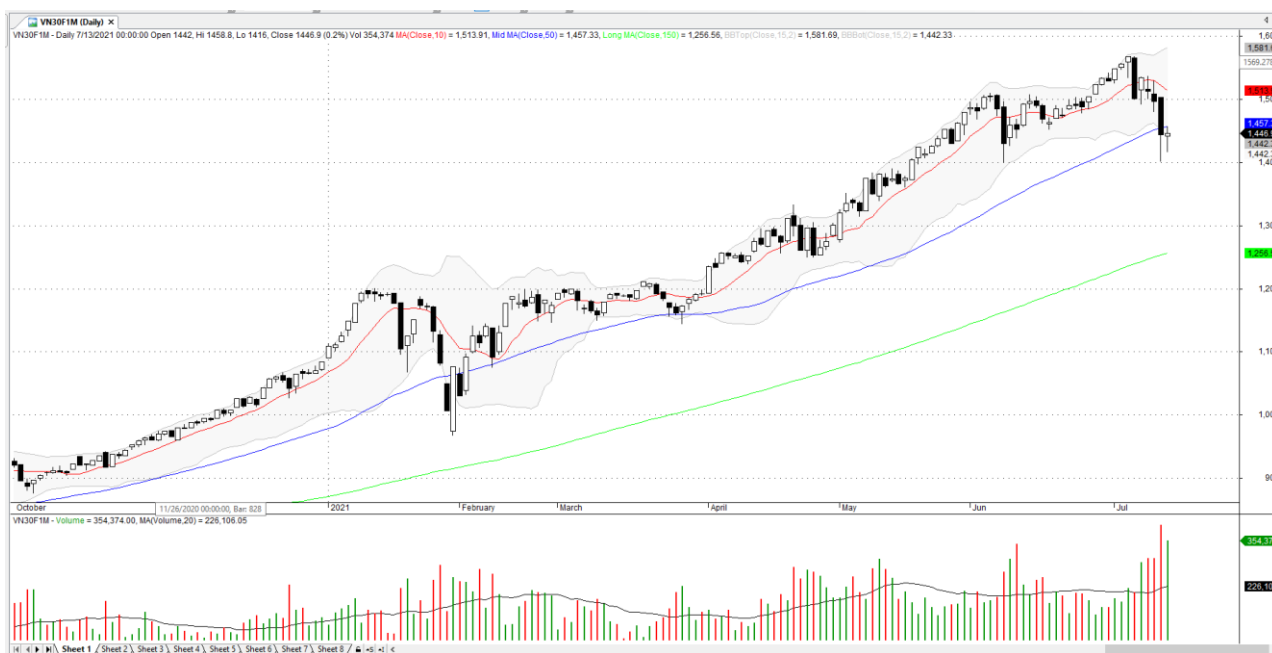
CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu		Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (13/07/2021)	1.446	Kháng cự 1	1.500
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TIÊU CỰC	Kháng cự 2	1.550
VN30 – đóng cửa	1.440	Hỗ trợ 1	1.410
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+6,8	Hỗ trợ 2	1.370

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart 60 phút)	-7	TIÊU CỰC
VN30F1M (chart ngày)	-6	TIÊU CỰC

VN30F1M có phiên giao động lớn với spread trong ngày 40 điểm, điểm số kỹ thuật đang ở mức tiêu cực.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	15.9	14,365,245	-4	TIÊU CỰC	4,718	11.4	1.0
ACB	32.9	9,770,425	-6	TIÊU CỰC	88,894	10.3	2.3
AGR	12.8	3,651,560	-6	TIÊU CỰC	2,703	22.4	1.3
ART	8.6	4,235,350	-4	TIÊU CỰC	834	31.9	0.8
BID	42.4	3,838,065	-6	TIÊU CỰC	170,534	20.7	2.2
BSI	20.8	1,982,875	-6	TIÊU CỰC	2,529	10.1	1.6
BSR	17.9	18,317,850	-4	TIÊU CỰC	55,499	#N/A N/A	1.8
BVH	50.7	1,364,210	-6	TIÊU CỰC	37,636	19.9	1.8
BVS	27.3	1,321,650	-6	TIÊU CỰC	1,971	10.5	1.0
CII	16	2,747,370	-6	TIÊU CỰC	3,822	287.6	0.8
CTG	34.6	19,766,456	-7	TIÊU CỰC	166,280	9.4	1.8
CTR	69.8	565,360	-6	TIÊU CỰC	6,486	23.2	6.1
CTS	20.3	1,970,145	-6	TIÊU CỰC	2,160	8.3	1.5
DBC	52.6	2,494,255	-6	TIÊU CỰC	6,062	4.2	1.3
DCM	17.1	4,121,215	-4	TIÊU CỰC	9,053	15.2	1.4
DGC	81	1,088,520	-2	TRUNG TÍNH	13,857	14.7	3.3
DGW	134.7	339,065	2	TRUNG TÍNH	5,954	17.6	4.6
DIG	22.8	5,002,350	-6	TIÊU CỰC	9,346	12.2	2.0
DLG	2.99	10,909,165	-4	TIÊU CỰC	895	#N/A N/A	0.4
DPM	20.55	2,802,045	-4	TIÊU CỰC	8,042	10.7	1.0
DRC	27.4	2,782,460	-4	TIÊU CỰC	3,255	11.5	1.9
DXG	22.4	7,491,820	-4	TIÊU CỰC	11,610	#N/A N/A	1.7
E1VFN30	24.95	1,316,460	-6	TIÊU CỰC	9,414	#N/A Field N/A	#N/A Field N/A
FIT	15.2	10,306,265	-3	TRUNG TÍNH	3,872	56.9	1.3
FLC	11.1	30,800,040	-4	TIÊU CỰC	7,881	5.7	0.8
FPT	87	2,778,355	-2	TRUNG TÍNH	78,950	21.2	4.7
FRT	30.95	1,767,865	7	KHẢ QUAN	2,444	130.1	2.0
GAS	91.5	1,193,770	-6	TIÊU CỰC	175,126	23.2	3.5
GEX	21.95	6,672,235	-5	TIÊU CỰC	17,147	13.1	1.9
GMD	39.7	2,764,815	-6	TIÊU CỰC	11,965	31.9	2.0
GVR	30	6,219,160	-6	TIÊU CỰC	120,000	27.5	2.5
HAH	35.5	1,559,470	6	KHẢ QUAN	1,682	10.1	1.5
HBC	12.65	4,973,545	-6	TIÊU CỰC	2,921	33.0	0.8
HCM	47.5	6,357,260	-4	TIÊU CỰC	14,489	19.3	3.0
HDB	33.95	4,412,355	-6	TIÊU CỰC	54,108	11.0	2.2
HDC	50	957,640	-6	TIÊU CỰC	4,157	15.5	3.4
HDG	46.5	1,528,995	7	KHẢ QUAN	7,609	6.6	2.1
HHV	17.7	1,908,660	-2	TRUNG TÍNH	4,733	30.3	0.8
HNG	8.7	13,091,540	-6	TIÊU CỰC	9,644	370.6	1.1
HPG	45.5	31,795,950	-6	TIÊU CỰC	203,518	11.2	3.1
HQC	3.23	12,547,675	-4	TIÊU CỰC	1,539	216.0	0.4
HSG	33.95	12,103,640	-6	TIÊU CỰC	16,604	6.9	2.0
IDC	31.7	2,898,230	-6	TIÊU CỰC	9,510	30.3	2.6
IJC	25	7,179,010	-6	TIÊU CỰC	5,427	8.2	1.6
ITA	6.08	11,057,505	-4	TIÊU CỰC	5,705	27.4	0.5
KBC	32.5	11,896,020	-4	TIÊU CỰC	15,267	19.8	1.5
KDC	60.9	1,504,805	-5	TIÊU CỰC	13,931	45.3	2.4
KDH	36.3	2,402,920	-4	TIÊU CỰC	22,618	18.7	2.7
KSB	23.65	1,518,120	-5	TIÊU CỰC	1,733	6.9	1.1
LPB	27.5	8,744,920	-5	TIÊU CỰC	29,553	13.1	2.0
MBB	29.8	24,147,450	-6	TIÊU CỰC	112,594	11.1	2.2
MBS	30	2,834,530	-4	TIÊU CỰC	9,437	16.6	2.6

MSN	115	1,601,095	2	TRUNG TÍNH	135,761	89.8	8.4
MWG	175	935,290	4	KHẢ QUAN	83,179	19.3	4.8
NKG	31.25	4,392,490	-6	TIÊU CỰC	5,687	9.4	1.5
NLG	37.05	2,272,855	-4	TIÊU CỰC	10,569	9.2	1.6
NVB	19.2	7,093,480	-2	TRUNG TÍNH	7,811	719.7	1.8
NVL	104.7	3,497,850	-6	TIÊU CỰC	154,287	33.9	4.8
OIL	12.8	2,935,335	-4	TIÊU CỰC	13,238	#N/A N/A	1.4
PAN	22.7	1,806,560	-5	TIÊU CỰC	4,742	24.1	1.3
PDR	87	4,190,940	-7	TIÊU CỰC	42,349	32.2	8.0
PET	20.2	2,934,130	-5	TIÊU CỰC	1,688	11.0	1.1
PHR	49.1	943,225	-6	TIÊU CỰC	6,653	6.9	2.1
PLX	51	2,612,750	-4	TIÊU CỰC	63,434	17.5	2.7
PNJ	99.2	628,440	0	TRUNG TÍNH	22,555	19.9	3.9
POW	10.55	10,729,140	-4	TIÊU CỰC	24,707	10.2	0.9
PVD	19.35	7,932,525	-4	TIÊU CỰC	8,149	126.1	0.6
PVS	25.7	13,537,045	-2	TRUNG TÍNH	12,284	18.7	1.0
PVT	18.25	4,954,010	-4	TIÊU CỰC	5,907	8.0	1.2
REE	51.9	694,525	-5	TIÊU CỰC	16,040	9.0	1.4
ROS	5.16	18,248,590	-4	TIÊU CỰC	2,929	161.0	0.5
SBS	13	3,309,845	-6	TIÊU CỰC	1,647	1,433.3	8.0
SBT	18	4,703,125	-6	TIÊU CỰC	11,109	15.9	1.4
SCR	9.3	9,485,090	-6	TIÊU CỰC	3,407	19.3	0.7
SHB	24.3	26,355,830	-4	TIÊU CỰC	46,791	13.9	1.8
SHS	39.7	7,647,780	-6	TIÊU CỰC	8,229	8.4	2.2
SSI	51.8	13,760,450	-6	TIÊU CỰC	33,925	18.7	2.9
STB	28.7	30,317,864	-6	TIÊU CỰC	51,765	19.2	1.7
SZC	33.9	1,017,570	-6	TIÊU CỰC	3,390	16.0	2.5
TCB	53.9	23,513,460	-2	TRUNG TÍNH	188,914	13.2	2.4
TCH	19.65	5,865,680	-6	TIÊU CỰC	7,844	7.7	1.4
TLH	14	2,480,505	-7	TIÊU CỰC	1,409	18.5	0.9
TNG	19.3	2,675,785	-6	TIÊU CỰC	1,535	10.3	1.3
TPB	34.8	5,054,040	-7	TIÊU CỰC	37,294	9.1	2.0
TSC	10	3,314,360	-2	TRUNG TÍNH	1,476	102.0	0.9
TTF	6.96	6,901,570	-4	TIÊU CỰC	2,166	#N/A N/A	#N/A N/A
VCB	103.4	2,056,775	-7	TIÊU CỰC	383,498	18.1	3.8
VCI	52.7	3,329,755	-4	TIÊU CỰC	17,549	18.5	3.6
VCS	104.5	343,415	-6	TIÊU CỰC	16,720	12.3	4.0
VGT	16.1	5,802,325	-6	TIÊU CỰC	8,050	28.2	1.3
VHC	39.1	1,861,815	-6	TIÊU CỰC	7,114	10.2	1.3
VHM	109.5	4,465,535	-4	TIÊU CỰC	360,202	13.9	4.0
VIB	47.7	1,847,720	-3	TRUNG TÍNH	74,085	14.2	3.8
VIC	103	2,069,115	-7	TIÊU CỰC	348,390	47.4	4.3
VIX	21.4	4,044,885	-7	TIÊU CỰC	2,733	4.1	1.3
VJC	119.9	590,935	-2	TRUNG TÍNH	64,939	53.1	4.3
VND	39.7	7,025,600	-6	TIÊU CỰC	8,516	11.7	3.0
VNM	84.3	3,222,690	-7	TIÊU CỰC	176,183	18.0	5.6
VPB	64	20,364,230	-6	TIÊU CỰC	157,104	13.8	2.8
VRE	27.85	4,338,435	-6	TIÊU CỰC	63,284	23.7	2.1

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Xuất khẩu của Trung Quốc tăng gần 20% trong tháng 6

Kim ngạch xuất khẩu tháng 6/2021 của Trung Quốc tính theo Nhân dân tệ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh hơn so với tháng trước đó, qua đó củng cố thêm niềm tin vào đà hồi phục kinh tế. Theo tính toán của Bloomberg dựa trên dữ liệu chính thức, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc tăng 19.9% so với cùng kỳ, cao hơn mức 18.1% của tháng 5/2021. Ngoài ra, con số này cũng cao hơn dự báo tăng 15.1% của các chuyên gia kinh tế tham gia cuộc thăm dò của Bloomberg. Tăng trưởng về nhập khẩu giảm tốc xuống mức 26.1% trong tháng 6/2021, thấp hơn nhiều so với mức 39.5% của tháng trước. Cục Hải quan Trung Quốc công bố dữ liệu 6 tháng đầu năm cho thấy kim ngạch xuất khẩu bằng Nhân dân tệ tăng 28.1% so với cùng kỳ, trong khi nhập khẩu tăng 25.9%. Trung Quốc sẽ công bố dữ liệu cho tháng 6/2021 và giá trị thương mại bằng USD sau đó trong ngày 13/07.

Chính phủ đồng ý giới thiệu T&T mua 40 triệu liều vaccine Sputnik V

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 73 về mua vaccine Sputnik V của Liên bang Nga. Chính phủ đồng ý theo đề xuất của Bộ Y tế có văn bản giới thiệu Tập đoàn T&T với Quỹ đầu tư trực tiếp Liên bang Nga (RDIF) để đàm phán, mua 40 triệu liều vaccine Sputnik V bằng nguồn kinh phí hợp pháp do Tập đoàn T&T huy động; không sử dụng kinh phí nguồn ngân sách Nhà nước và Quỹ vaccine phòng Covid-19 Việt Nam. Chính phủ yêu cầu việc cấp phép nhập khẩu, kiểm định, kiểm soát chất lượng và tổ chức tiêm miễn phí 40 triệu liều vaccine Sputnik V theo quy định. Theo đó, Bộ Ngoại giao phối hợp thực hiện những thủ tục ngoại giao có liên quan và bộ Giao thông vận tải phối hợp tổ chức vận chuyển vaccine theo đề nghị của Bộ Y tế. Ngoài ra, Bộ Quốc phòng, Công an và các cơ quan, địa phương liên quan phối hợp với Bộ Y tế để xây dựng kế hoạch, tổ chức tiêm chủng cho những đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

PHR: lợi nhuận công ty mẹ quý II giảm 86%

Cao su Phước Hòa (HoSE: PHR) vừa công bố BCTC công ty mẹ quý II với doanh thu tăng 142% so với cùng kỳ năm trước đạt 349 tỷ đồng. Giá vốn tăng ở mức tương đương nên lãi gộp đạt 32 tỷ đồng, gấp 3,6 lần. Biên lãi gộp tăng từ 6,3% lên 9,2%. Hoạt động tài chính cũng khởi sắc khi doanh thu gấp 2,8 lần đạt 15 tỷ đồng, chi phí tăng 39% lên 1,1 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng 26%, chi phí quản lý tăng 84%. Theo đó, lợi nhuận thuần đạt 30 tỷ đồng, gấp nhiều lần con số 4,4 tỷ đồng cùng kỳ năm trước. Song, lợi nhuận khác giảm mạnh từ 317 tỷ xuống 16 tỷ đồng. Do vậy, lợi nhuận sau thuế giảm đến 86% xuống 37 tỷ đồng. Doanh nghiệp cao su lý giải lợi nhuận từ kinh doanh mủ cao su tăng nhờ giá bán tăng và lãi tiền gửi tăng thúc đẩy lợi nhuận tài chính. Trong khi đó, quý II năm trước doanh nghiệp ghi nhận tiền đền bù hỗ trợ thiệt hại khi bàn giao đất thực hiện dự án khu công nghiệp Nam Tân Uyên mở rộng giai đoạn 2 là 300 tỷ đồng mà quý này không có. Đồng thời, thu nhập từ thanh lý tài sản cũng giảm gần phân nửa xuống 16 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần PHR tăng 87% đạt 591 tỷ đồng, biên lãi gộp cải thiện từ 7,3% lên 11,5%. Lãi sau thuế 58 tỷ đồng, giảm 85% so với cùng kỳ năm trước do lợi nhuận khác giảm mạnh.

HBC: trúng thầu gần 1.900 tỷ đồng trong đầu tháng 7

Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình (HoSE: HBC) cho biết từ đầu tháng 7 tới nay đã trúng thầu gần 1.900 tỷ đồng. Trong đó, 3 dự án vừa mới trúng thầu tại Bình Dương, Bình Thuận và Hà Nội giá trị 1.124 tỷ đồng; 2 dự án khác đã được công bố từ hồi đầu tháng. Tại Bình Dương, tập đoàn là tổng thầu thi công xây dựng phần thân dự án Khu căn hộ HT – Pearl, TP Dĩ An của chủ đầu tư Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng nhà HT – Pearl. Giá trị gói thầu 871 tỷ đồng, thi công dự kiến trong 451 ngày. Dự án có quy mô gồm 2 block, cao 36 tầng. Hòa Bình cũng là nhà thầu thi công phần hầm tại dự án này. Tại Bình Thuận, Công ty TNHH Delta – Valley Bình Thuận (thuộc Novaland Group) giao cho Hòa Bình vai trò thầu chính thi công Khách sạn H5 thuộc dự án Novaworld Bình Thuận tại TP Phan Thiết. Giá trị gói thầu 145 tỷ đồng và thời gian thi công dự kiến 444 ngày. Tại Hà Nội, Tập đoàn Vingroup tiếp tục giao cho Hòa Bình thầu chính gói thầu cơ điện và phòng cháy chữa cháy của Tòa nhà V9 thuộc tổ hợp Lô F3, dự án Vinhomes Smart City. Dự án có quy mô 1 tầng hầm và 39 tầng cao, tổng giá trị gói thầu hơn 108 tỷ đồng.

TLG: chốt quyền tạm ứng cổ tức đợt 1/2021 tỷ lệ 15%

HDQT Tập đoàn Thiên Long (HoSE: TLG) thông qua phương án tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021 bằng tiền tỷ lệ 15% (1 cổ phiếu được nhận 1.500 đồng). Với gần 77,8 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền dự kiến thanh toán trong đợt này là gần 117 tỷ đồng. Ngày chốt danh sách cổ đông là 28/7, thời gian thực hiện chi trả là 12/8.

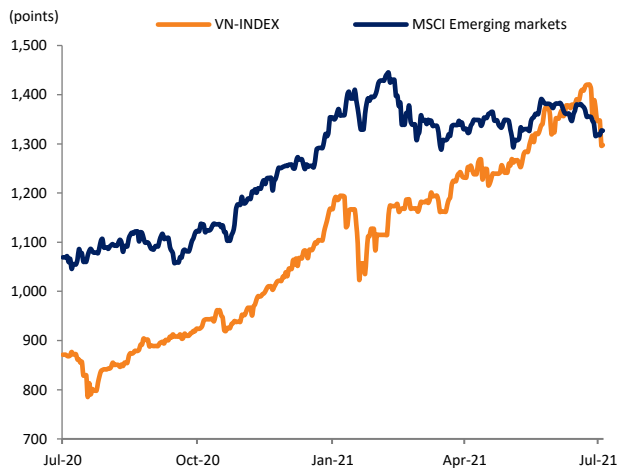
NKG: chuẩn bị phát hành hơn 36 triệu cổ phiếu trả cổ tức và thưởng

Nam Kim (HoSE: NKG) công bố Nghị quyết HĐQT triển khai phương án phát hành gần 36,4 triệu cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông, tương đương tỷ lệ phân phối 20%. Trong đó, doanh nghiệp phát hành 23,7 triệu cổ phiếu thưởng (tỷ lệ 13%) và 12,7 triệu cổ phiếu trả cổ tức năm 2020 (tỷ lệ 7%). Vốn điều lệ tăng từ 1.820 tỷ đồng lên 2.184 tỷ đồng.

TN1: chốt quyền trả cổ tức năm 2020 tỷ lệ 50%

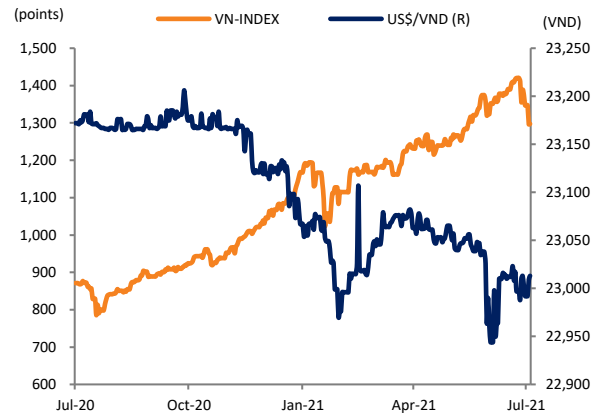
Thương mại Dịch vụ TNS Holdings (HoSE: TN1) thông báo 23/7 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 tổng tỷ lệ 50%, trong đó 45% bằng cổ phiếu và 5% bằng tiền mặt. Thời gian thanh toán cổ tức bằng tiền dự kiến ngày 11/8. Với hơn 23,3 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp sẽ trả gần 11,7 tỷ đồng và phát hành thêm khoảng 10,5 triệu cổ phiếu mới để hoàn thành nghĩa vụ chi trả cổ tức năm 2020. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng lên 338 tỷ đồng. Nguồn vốn phát hành được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2020. Tại thời điểm 31/12/2020, TNS Holdings có 235 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 9,1 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



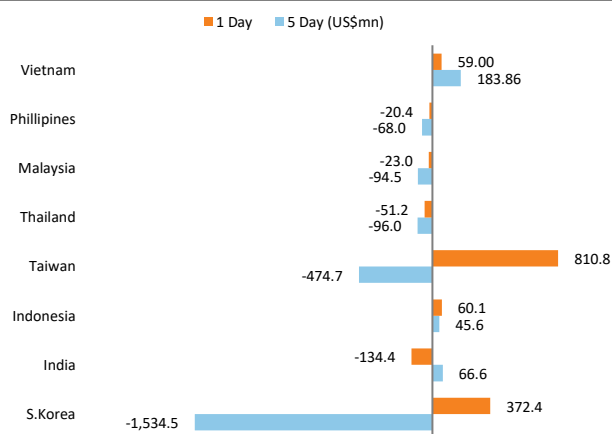
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



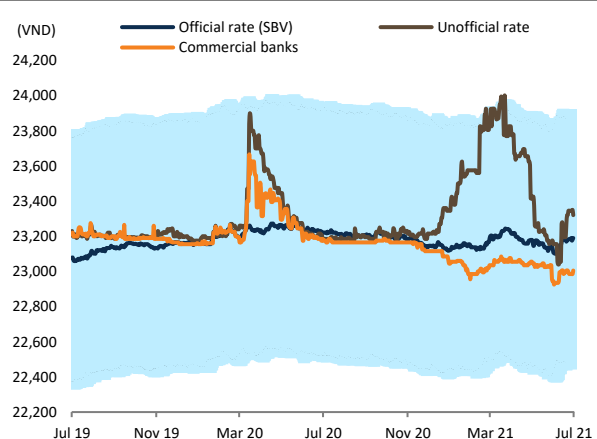
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



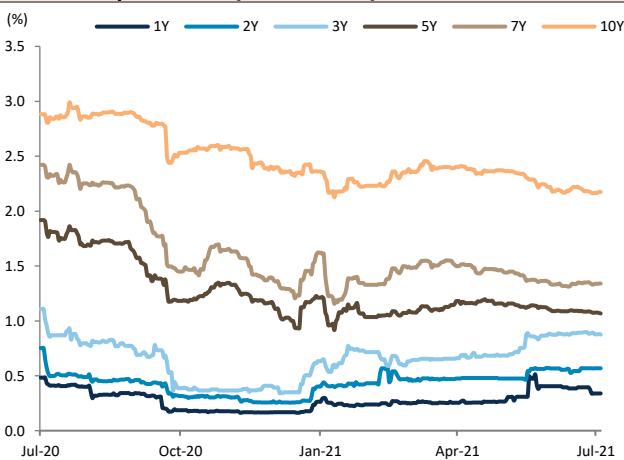
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



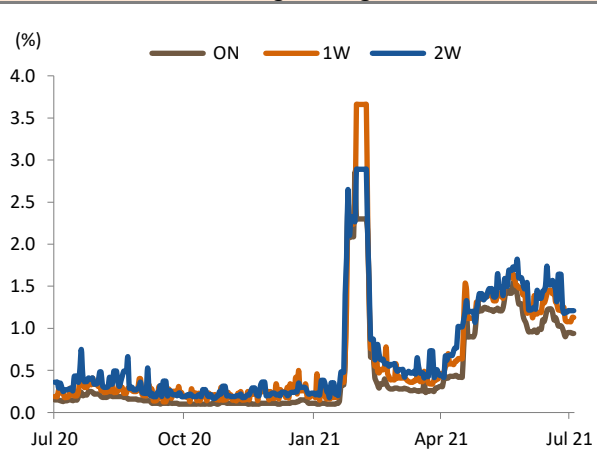
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,440.87	3,455,290		-0.2	-3.2	-3.1	78.7	14.0	12.1	2.6	2.2	15.1	16.1	23.2	20.6
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,400	170,534	16.7	1.0	-3.6	-6.2	2.7	18.1	13.2	1.9	1.6	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	50,700	37,636	26.9	0.8	-9.3	-11.5	6.7	22.0	19.5	1.8	1.7	11.1	12.8	8.4	9.0
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,600	166,280	24.7	-1.1	-7.9	-15.6	86.5	10.2	8.5	1.7	1.4	18.5	21.0	19.8	20.0
CTCP FPT	FPT VN	87,000	78,950	56.3	1.0	0.0	4.2	105.7	19.8	16.2	4.3	3.8	22.8	21.9	25.6	26.4
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	91,500	175,126	2.8	4.0	6.6	5.2	22.2	17.3	15.8	3.3	3.0	31.2	9.9	20.0	20.4
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	33,950	54,108	17.9	0.4	-3.0	-1.5	110.2	9.8	8.2	1.8	1.5	29.4	20.3	21.3	20.2
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	45,500	203,518	26.5	1.2	-5.2	-14.3	166.6	7.3	6.9	2.3	1.7	117.7	6.0	42.3	28.9
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	36,300	22,618	32.7	0.3	0.6	-1.4	73.3	18.8	13.9	2.4	2.1	3.2	35.2	14.2	17.0
NHTMCP Quân đội	MBB VN	29,800	112,594	21.7	0.0	0.3	2.1	171.5	10.6	9.0	2.0	1.7	28.6	17.1	21.4	20.8
Tập đoàn Masan	MSN VN	115,000	135,761	33.3	-4.1	5.5	8.5	103.2	48.9	28.4	6.6	5.3	123.0	72.3	12.9	17.9
CTCP Thế giới di động	MWG VN	175,000	83,179	49.0	-0.9	12.9	27.7	111.4	16.1	13.4	4.1	3.3	25.9	20.2	26.7	27.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	104,700	154,287	9.7	-0.4	-10.5	-0.2	128.1	28.3	31.1	4.5	4.4	26.1	-8.8	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	87,000	42,349	4.1	-4.3	-7.8	-0.5	363.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,000	63,434	17.3	2.7	-1.4	-5.6	9.9	18.8	15.6	2.6	2.6	295.9	20.5	15.7	16.7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	99,200	22,555	48.9	-2.8	-0.4	2.4	67.3	17.0	13.4	3.6	3.0	35.5	26.7	24.1	23.8
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,550	24,707	2.9	3.9	-7.9	-12.4	5.0	12.1	10.6	0.8	0.8	-12.6	13.6	7.1	7.7
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	51,900	16,040	49.0	-0.8	-1.1	-5.5	57.8	8.9	7.2	1.1	1.1	11.6	23.7	13.4	15.2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	18,000	11,109	8.5	6.8	-6.3	-15.5	24.1	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	51,800	33,925	47.1	4.6	-1.5	3.4	224.8	21.2	16.6	NA	NA	24.5	28.2	14.3	16.2
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	28,700	51,765	13.1	1.1	-5.4	-5.9	150.7	24.7	16.9	1.7	1.5	-6.8	46.3	8.8	11.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	53,900	188,914	22.5	0.7	-0.2	2.5	165.5	11.6	9.9	2.1	1.7	31.8	17.4	19.8	19.2
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	19,650	7,844	13.4	4.8	-4.6	-10.3	-9.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	34,800	37,294	30.0	-0.7	-4.8	-4.9	95.0	8.1	6.9	1.7	1.4	25.9	17.9	23.0	21.4
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	103,400	383,498	23.7	-3.5	-7.7	0.6	24.7	16.8	14.1	3.3	2.7	37.4	19.7	22.1	21.7
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	109,500	360,202	23.1	1.4	-0.7	3.3	38.4	11.6	10.4	3.1	2.5	13.2	12.1	31.5	27.5
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	103,000	348,390	15.8	-1.0	-8.0	-12.7	12.8	59.5	55.2	3.9	3.6	2.4	7.8	6.8	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	119,900	64,939	18.3	-0.1	0.5	3.8	11.0	159.9	24.5	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	84,300	176,183	55.0	-2.3	-3.1	-8.4	-11.9	17.2	16.1	5.3	5.0	3.0	6.3	33.9	34.5
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	64,000	157,104	15.4	0.0	-9.9	-10.7	186.4	11.3	10.7	2.1	1.7	32.5	5.2	21.6	18.5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	27,850	63,284	30.5	3.1	-5.6	-11.6	5.1	22.6	18.4	2.0	1.8	17.5	22.7	8.8	10.1

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN-Index	1.24	4,867,053	0.1	-4.2	-4.0	49.4	15.6	13.0	2.5	2.2	14.4	20.3	20.1	18.9
Ô tô và phụ tùng	0.02	7,914	0.9	-3.3	-3.4	38.6	6.0	5.5	1.2	1.1	34.5	9.7	12.5	12.0
Ngân hàng	-3.97	1,658,361	-0.8	-7.0	-4.4	73.6	13.8	11.1	2.2	1.9	31.1	22.1	19.1	18.8
Xây dựng cơ bản	0.32	164,983	0.9	-4.5	-6.0	52.9	5.8	4.2	0.4	0.3	9.7	28.4	5.7	6.3
Dịch vụ thương mại	0.03	4,539	2.9	-2.0	1.9	15.2	7.1	5.6	NA	NA	18.8	27.9	10.1	12.2
May mặc và trang sức	-0.14	43,856	-1.1	-5.0	0.1	131.5	13.2	10.7	2.6	2.2	41.7	22.1	18.1	18.1
Dịch vụ tiêu dùng	0.01	7,899	0.3	-3.5	-3.4	13.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	0.74	89,526	3.2	-6.2	7.5	209.8	11.9	6.4	0.5	NA	23.2	28.2	8.3	6.2
Năng lượng	0.56	80,346	2.6	-2.2	-6.6	23.9	19.7	14.7	2.2	2.2	NA	31.5	13.6	14.6
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-2.57	503,523	-1.8	-4.3	-3.0	23.6	24.5	17.8	4.6	4.0	43.7	29.6	20.6	22.0
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	757	-0.1	-8.2	-26.1	1.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,798	0.2	-1.8	-3.8	-5.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.08	45,438	0.7	-6.5	-8.5	12.2	19.5	17.2	1.6	1.5	11.7	14.0	7.7	8.4
Nguyên vật liệu	1.84	452,233	1.5	-7.8	-7.4	139.9	12.2	11.8	1.8	0.9	93.0	-2.9	26.3	19.0
Giải trí và truyền thông	0.00	1,331	-0.3	-6.6	-13.9	-26.8	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	0.09	35,103	3.1	-1.7	-12.6	40.5	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	1.37	1,163,352	1.0	-1.5	-2.3	23.3	8.7	7.5	1.5	1.0	10.1	13.9	9.2	9.6
Bán lẻ	-0.20	91,821	0.5	-5.5	-4.1	56.9	27.0	25.3	2.9	2.6	12.2	18.4	15.4	14.3
Phần mềm và dịch vụ	0.27	83,359	-0.8	1.4	25.4	103.7	15.2	12.5	3.8	3.1	37.5	18.4	24.4	24.8
Thiết bị và phần cứng	-0.04	5,954	1.2	-3.0	4.0	102.0	18.6	15.2	4.1	3.6	29.9	19.3	24.1	24.8
Dịch vụ viễn thông	0.02	1,658	-2.4	-6.1	7.8	213.3	14.3	12.2	3.7	3.0	52.0	16.9	28.7	27.1
Vận tải	0.41	159,100	4.2	-7.1	10.3	346.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	2.31	255,326	1.0	-1.9	-1.6	24.2	68.3	12.3	24.1	1.4	NA	NA	-67.6	-32.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	91,500	4.0	581,300	1.8
VHM VN	109,500	1.4	2,562,500	1.3
HPG VN	45,500	1.2	25,498,600	0.7
GVR VN	30,000	2.0	3,515,700	0.7
VRE VN	27,850	3.1	2,816,200	0.5
BCM VN	52,300	3.6	47,300	0.5
PLX VN	51,000	2.7	1,200,100	0.5
BID VN	42,400	1.0	1,982,500	0.4
SSI VN	51,800	4.6	12,467,000	0.4
TCB VN	53,900	0.7	20,072,400	0.4

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	103,400	-3.5	1,865,300	-3.7
MSN VN	115,000	-4.1	1,521,900	-1.6
VNM VN	84,300	-2.3	2,883,300	-1.1
VIC VN	103,000	-1.0	2,355,200	-0.9
VIB VN	47,700	-3.0	3,357,800	-0.6
CTG VN	34,600	-1.1	11,766,000	-0.5
PDR VN	87,000	-4.3	2,719,300	-0.5
SAB VN	157,000	-1.1	83,700	-0.3
EIB VN	28,100	-2.4	222,100	-0.2
MWG VN	175,000	-0.9	651,400	-0.2

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.